

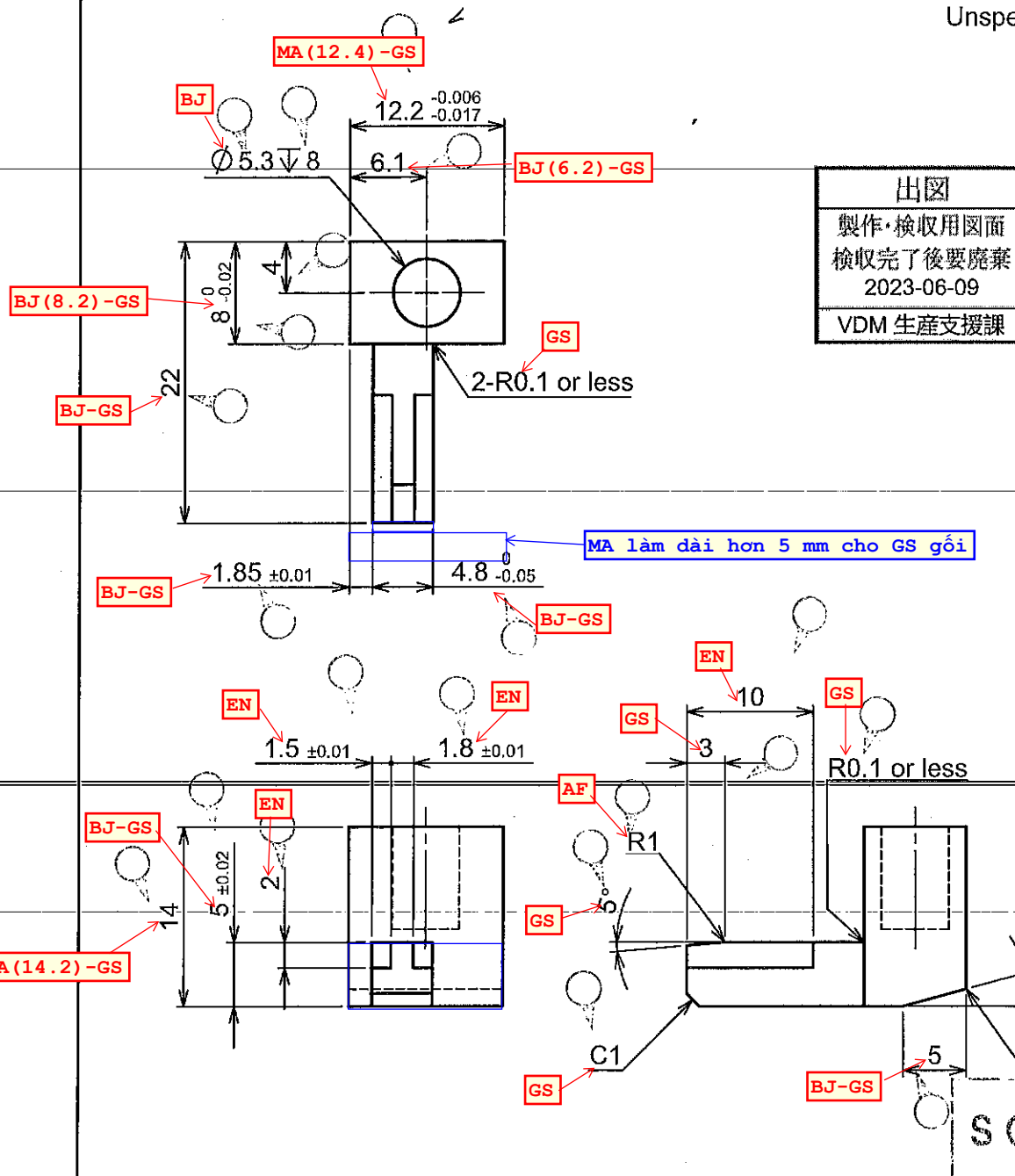
REV.	DATE	DESCRIPTION	REF.No.	DWN.	DSGND.	CHKD.	CUTTING TOLERANCE
init.	2022/12/29		DVB-0623	Le_Hong_Quang	Nguyen_Van_Tao	Van_Xuan_Binh	$0.5 \leq, \leq 6$ ± 0.1
							$6 <, \leq 30$ ± 0.2
							$30 <, \leq 120$ ± 0.3
							$120 <, \leq 400$ ± 0.5

TOLERANCES NOT OTHERWISE
SPECIFIED APPLIES JIS B 0405-m, JIS B 0410-k

FINISH MARKS

Ra 1.6

Unspecified corner C0.2



CHKD.	MATERIAL		TITLE	PARTS NAME
Le_Anh_Tuan	SKD11		部品図 PART DRAWING	圧入ブロック PRESS-FIT BLOCK
DSGND.	SURFACE	SCALE	部品図 部品図	壓入塊 圧入塊
Van_Xuan_Binh		2:1	DATE	DWG.No.
DWN.	QUENCH&TEMPER	SIZE	2022/12/29	R493620
Van_Xuan_Binh	HRC 58°~62°	A4		

SNO: **R493620**

SỐ PCS TỐI THIỂU/1 LẦN ĐẶT HÀNG:

NGƯỜI THIẾT LẬP: **10197**

DIỄN GIẢI	THỜI GIAN CHUẨN 1P
1.VẬT LIỆU: SKD11 T13*32*19	AA:20 MA:30 BJ:40 HT:40 GS:90 EN:90 AF:20 KT